TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC TRỌNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14-3-2024
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Cao Đình Nhân**

2. Bà **Nguyễn Thị Lan Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vy Trần Bảo Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên toà:* Ông **Phạm Văn Bảng** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 537/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thùy D**, sinh năm 1991. Trú tại: Số 7H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu Trường Q**, sinh năm 1985. Trú tại: Số 2, thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ liên hệ: Số 1Q, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/10/2023, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu Trường Q kết hôn vào năm

2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 24/8/2016, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có thời gian tìm hiểu, cùng chung sống tại thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc; ông Q có hành vi bạo lực gia đình, nhiều lần đánh đập bà tạo tâm lý ám ảnh nên tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được, cuộc sống chung không hòa hợp. Từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn sự quan tâm, trách nhiệm đối với nhau, ông bà đều đã cố gắng hòa giải nhưng không thể giải quyết được mâu thuẫn. Hiện nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên bà yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trần Khánh T, sinh ngày 29/6/2016 và Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 10/5/2020. Khi vợ chồng cùng chung sống, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung. Từ tháng 8 năm 2023 âm lịch, bà đưa các con về sinh sống cùng gia đình tại số 7H, thị trấn L, huyện Đ và trong thời gian này bà trực tiếp chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục con, ông Q không đóng góp cùng bà nuôi dưỡng con. Hiện nay do hoàn cảnh, bà kinh doanh buôn bán tại Thành phố Hồ Chí Minh với thu nhập 15.000.000đ đến 20.000.000đ/tháng và trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khánh A; đối với cháu Khánh T hiện nay đang học tại trường tiểu học Nghĩa Hiệp do bố mẹ bà trực tiếp chăm sóc còn bà chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc chữa bệnh về mắt tại bệnh viện ở Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Trần Khánh T và Nguyễn Trần Khánh A cho đến ngày các con chung thành niên; bà yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi các con chung với mức 2.000.000đ/tháng/con tổng cộng 4.000.000đ/tháng. Bà không đồng ý giao các con cho ông Q nuôi dưỡng với lý do ông Q kinh doanh quán nhậu không có thời gian chăm sóc cho các con; thời gian trước đây ông Q đưa các con về nuôi nhưng không trực tiếp chăm sóc mà thuê nhà, thuê người nuôi con phó mặc việc nuôi dưỡng chăm sóc con cho người khác, giấu diếm không cho bà biết nơi ở và tình trạng của con; xảy ra tình trạng con bị ngược đãi, bạo hành ảnh hưởng nặng nề đến tâm lý và sức khỏe của con và bà phải yêu cầu cơ quan công an can thiệp để đưa các con về nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Hữu Trường Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông bà kết hôn vào năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 24/8/2016, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có thời gian tìm hiểu, cùng chung sống tại thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà D không tôn trọng chồng, vay mượn tiền không cho ông biết dẫn đến bể nợ. Từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn sự quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Đối với yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thùy D thì ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung Nguyễn Trần Khánh T, sinh ngày 29/6/2016 và Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 10/5/2020. Khi ly hôn, ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Trần Khánh T và Nguyễn Trần Khánh A cho đến ngày các con chung thành niên và ông không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay ông đang buôn bán với thu nhập 30.000.000đ đến 40.000.000đ/tháng, ông đang tìm người tốt hơn để chăm sóc cho con. Ông không đồng ý giao bà D nuôi các con chung do không được biết bà D làm công việc gì, thu nhập bao nhiêu và hiện nay các con chung còn nhỏ, ông lo sợ việc bà D kết hôn với người khác ảnh hưởng đến cuộc sống của con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự như xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác định mối quan hệ tranh chấp, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Thùy D, cho bà Trần Thị Thùy D và ông Nguyễn Hữu Trường Q được ly hôn. Về con chung: giao 02 con chung Nguyễn Trần Khánh T, sinh ngày 29/6/2016 và Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 10/5/2020 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên; ông Q cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức 2.000.000đ/tháng/con, tổng cộng 4.000.000đ/tháng/2 con cho đến ngày các con chung thành niên. Về tài sản chung, nợ chung ông bà không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xác định đây là vụ án *"Ly hôn"* giữa nguyên đơn bà Trần Thị Thùy D và bị đơn ông Nguyễn Hữu Trường Q theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy D và ông Nguyễn Hữu Trường Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình ông bà chung sống đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông bà trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có sự tôn trọng nhau nên cuộc sống chung không hòa hợp, từ tháng 05 năm 2023 ông bà chấm dứt cuộc sống chung, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau. Nguyên đơn có yêu cầu ly hôn và bị đơn đồng ý yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông bà mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hòa giải đoàn tụ nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thùy D được ly hôn ông Nguyễn Hữu Trường Q là phù hợp và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung Nguyễn Trần Khánh T, sinh ngày 29/6/2016 và Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 10/5/2020 nên ông bà đều có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì các đương sự đều có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và trình bày đủ điều kiện đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng của con chung Nguyễn Trần Khánh T yêu cầu được ở với ông Q. Tuy nhiên trong quá trình chung sống đến nay, nguyên đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung đảm bảo điều kiện phát triển bình thường và điều kiện hiện nay của nguyên đơn có công việc với thu nhập ổn định 15.000.000đ - 20.000.000đ/tháng; con Nguyễn Trần Khánh T, sinh ngày 29/6/2016 bị bệnh về mắt và cháu Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày

10/5/2020 tuổi còn nhỏ cần sự nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc sức khỏe trực tiếp của người mẹ. Trong khi đó công việc của ông Q kinh doanh quán nhậu, điều kiện về chỗ ở sinh hoạt và thời gian không đảm bảo việc phát triển bình thường về thể chất và tâm thần cho các con chung. Để đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của con chung cần giao bà Trần Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Khánh T, sinh ngày 29/6/2016 và Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 10/5/2020 cho đến ngày các con chung thành niên là phù hợp quy định pháp luật.

Bà D yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức 2.000.000đ/tháng/con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay bà D đang trực tiếp nuôi con và theo quy định tại Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chưa thành niên thì ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay ông Q có thu nhập 30.000.000đ – 40.000.000đ/tháng cần buộc ông Q cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Trần Khánh T và Nguyễn Trần Khánh A với mức 2.000.000đ/tháng/con tổng cộng 4.000.000đ/tháng/2 con là phù hợp với khả năng cấp dưỡng của ông Q, nhu cầu thiết yếu của các con; thời gian cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2024 cho đến ngày các con chung thành niên.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông Q phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 71, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thùy D, cho ly hôn giữa bà Trần Thị Thùy D và ông Nguyễn Hữu Trường Q.

2. Về con chung:

Giao bà Trần Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Trần Khánh T, sinh ngày 29/6/2016 và Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 10/5/2020 cho đến ngày các con chung thành niên.

Ông Nguyễn Hữu Trường Q cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Trần Khánh T, sinh ngày 29/6/2016 và Nguyễn Trần Khánh A, sinh ngày 10/5/2020 với mức 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*/tháng/con *(tổng cộng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng/2 con)*, thời gian cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2024 cho đến ngày các con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Thùy D phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002317 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trần Thị Thùy D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Q phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bà Trần Thị Thùy D, ông Nguyễn Hữu Trường Q có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Đức Trọng;
- UBND thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (Số 218, ngày đăng ký 24/8/2016);
- Lưu HS, AV.

Đặng Thị Hạnh